

TASKS FOR ETHNIC AFFAIRS, ETHNIC POLICIES IN THE CURRENT PERIOD

Nguyen Van Dung^a
Nguyen Quang Hong^b

^a Vietnam Academy for Ethnic Minorities

Email: dungnv@hvd.edu.vn

^b Academy of Politics Region I

Email: hongktc@gmail.com

Received: 11/11/2021

Reviewed: 21/11/2021

Revised: 24/11/2021

Accepted: 25/11/2021

Released: 30/11/2021

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/623>

Party and State always pay attention and attach importance to ethnic affairs and ethnic policies in the strategy of great national unity, on the principle of equality, respect, solidarity, mutual help for development among the community of Vietnam's ethnic groups, in which priority is given to the comprehensive development of the economy, culture, society, politics, national defense and security of the ethnic minority areas. This article presents the viewpoints, guidelines and policies of the Party and State on ethnic affairs and ethnic policies in the current period; analyze achievements in ethnic affairs and ethnic policies in the past time, thereby proposing main tasks and solutions to carry out ethnic affairs and ethnic policies in the period of 2021-2025.

Keywords: *Ethnic affairs; Ethnic policies; Period of 2021-2025; Ethnic minority and mountainous areas.*

1. Đặt vấn đề

Số liệu điều tra năm 2019 cho thấy, nước ta có 53 dân tộc thiểu số (DTTS) với 14.118.232 người, gần 3 triệu hộ (chiếm 14,7% dân số cả nước), cư trú thành cộng đồng ở 51 tỉnh, thành phố, 548 huyện, 5266 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 382 xã biên giới (tiếp giáp với Trung Quốc, Lào và Campuchia). Địa bàn cư trú của đồng bào chủ yếu ở vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây Duyên hải miền Trung, chiếm 3/4 diện tích cả nước. Đây là vùng có nhiều tài nguyên khoáng sản giá trị như: vàng, nhôm, thiếc, than, ăng-ti-mon...; có hệ sinh thái động, thực vật đa dạng; nơi có 14.415.381ha rừng¹. Đây cũng là đầu nguồn sinh thủy, gắn với các công trình thủy điện quốc gia như: Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Tuyên Quang, Trung Sơn (Thanh Hóa), Hàm Thuận - Đa Mi (Bình Thuận), Yaly (Gia Lai), Ba Hạ (Phú Yên)...; vừa cung cấp điện, vừa cung cấp nước sản xuất, sinh hoạt cho vùng hạ du và khu vực đồng bằng. Trong Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH) và

bảo đảm quốc phòng, an ninh, Đảng và Nhà nước ta đã xác định vùng đồng bào DTTS khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây duyên hải miền Trung là những khu vực trọng yếu, giữ vị trí chiến lược quan trọng của đất nước.

Trong những năm gần đây, KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) đã có bước phát triển mạnh, nhưng vẫn là vùng khó khăn nhất của cả nước. Vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây duyên hải miền Trung chuyên biến chậm, hạ tầng KT-XH nhỏ, lạc hậu; kinh tế hàng hóa chưa phát triển; đời sống người dân gặp nhiều khó khăn, là “lõi nghèo của cả nước”; trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực thấp; đội ngũ cán bộ còn nhiều bất cập; tiềm ẩn yếu tố phức tạp về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội... Do vậy, yêu cầu thực hiện tốt công tác dân tộc, chính sách dân tộc mà trọng tâm là phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bào DTTS là nhiệm vụ quan trọng của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

2. Tổng quan nghiên cứu

¹. Trong đó có 10.236,415 ha rừng tự nhiên với 4.567,106 ha rừng phòng hộ và 2.141,324 ha rừng đặc dụng.

Đến nay đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về công tác dân tộc, chính sách dân tộc theo những nhóm nội dung như:

Nghiên cứu về công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết công tác dân tộc, chính sách dân tộc có sách chuyên khảo: “50 năm công tác dân tộc và miền núi” (1946-1996) của Nguyễn Hữu Hải, Nguyễn Xuân Thu, Lưu Minh Thiệu; “55 công tác dân tộc và miền núi” (1946-2001) của Ủy ban Dân tộc; “60 năm công tác dân tộc thực tiễn và bài học kinh nghiệm” (2006) của Viện Dân tộc; Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Cộng đồng các dân tộc thiểu số Việt Nam và chính sách đại đoàn kết dân tộc” (2010); “Lịch sử 65 năm cơ quan công tác dân tộc, 1946-2011” (2011) của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

Bài viết của Tráng A Pao “Hội đồng dân tộc của Quốc hội với chức năng giám sát việc thực hiện chính sách dân tộc” trong cuốn “60 năm công tác dân tộc - Thực tiễn và bài học kinh nghiệm” của Viện dân tộc - Hội đồng khoa học, Ủy ban Dân tộc (2006) đã làm rõ chức năng giám sát của Hội đồng dân tộc của Quốc hội trong việc thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc. Bài viết của Lê Ngọc Thăng “Đổi mới nội dung, phương thức công tác dân tộc từ Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX” cho rằng, công tác hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện chính sách, chương trình, dự án ở vùng đồng bào DTTS là hoạt động cơ bản và quan trọng.

Các nghiên cứu trên cũng đề cập đến hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc từ Trung ương tới địa phương qua việc đánh giá khá toàn diện những thành tựu, hạn chế, bài học kinh nghiệm và đề xuất giải pháp về công tác dân tộc, chính sách dân tộc trong từng thời kỳ cách mạng Việt Nam; sự hình thành và phát triển của cơ quan công tác dân tộc qua các thời kỳ... Tuy nhiên, chưa có những đánh giá về lý luận gắn với thực tiễn quản lý nhà nước về công tác dân tộc xuyên suốt thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay...

Các nghiên cứu về dân tộc, công tác dân tộc, chính sách dân tộc còn có: Hà Hùng (2014), “Nghiên cứu thực trạng nghèo, giảm nghèo của người dân tộc thiểu số ở khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ”; Hoàng Xuân Lương (2014), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển”; Trần Trung (2017), “Nghiên cứu, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (Khóa IX) về Công tác dân tộc”; Nguyễn Văn Dũng (2020) “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức đến năm 2030”... Các công trình này đã làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản và thiết thực về công tác cán bộ, đào tạo cán bộ, quan hệ dân tộc, xóa đói giảm nghèo vùng DTTS&MN.

Nghiên cứu quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc có

các bài viết tiêu biểu trong cuốn sách “Ủy ban Dân tộc - 70 năm xây dựng và phát triển (1946-2016)” (2016) của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật. Điển hình là: Giàng Seo Phử, “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý nhà nước về công tác dân tộc hiện nay”; Nông Quốc Tuấn, “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc ở vùng DTTS&MN trong tình hình hiện nay”; Sơn Phước Hoan, “Những vấn đề đặt ra trong thực hiện chính sách phát triển KT-XH vùng DTTS&MN”; Lê Sơn Hải, “Thực hiện chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 góp phần phát triển toàn diện vùng dân tộc và miền núi”...

Có thể thấy, các nghiên cứu đã hệ thống hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc qua từng thời kỳ, đồng thời tổng kết thực tiễn rút ra bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Tuy nhiên, hiện chưa có nghiên cứu cụ thể về nhiệm vụ đặt ra cho công tác dân tộc, chính sách dân tộc. Đây là khoảng trống nghiên cứu mà bài viết hướng tới.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng chủ yếu phương pháp thu thập, tổng hợp, phân tích tài liệu thứ cấp. Trong đó, kế thừa nhiều kết quả nghiên cứu của các học giả đi trước, kết hợp với nhiều số liệu, dữ liệu được thu thập từ các báo cáo cấp Trung ương và địa phương về lĩnh vực này, cùng các kết quả được thu thập từ nghiên cứu thực địa địa phương.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Một số thành tựu về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc trong thời gian vừa qua

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (Dang Cong san Viet Nam, 2016) đã xác định: “Đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyên biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đông đồng bào DTTS, nhất là các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây Duyên hải miền Trung. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực và chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, người tiêu biểu có uy tín trong cộng đồng các dân tộc. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các cấp, chống kỳ thị dân tộc; nghiêm trị những âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc”.

Cụ thể hóa quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, trong những năm gần đây, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách dân tộc, thúc đẩy phát triển KT-XH, phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo an

sinh xã hội vùng DTTS&MN. Do đó, công tác dân tộc có nhiều chuyên biến tích cực, đạt được nhiều thành tựu toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, củng cố lòng tin của đồng bào DTTS đối với Đảng, Nhà nước. Các cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể các cấp đã cụ thể hoá thực hiện Nghị quyết phù hợp với điều kiện của địa phương, đơn vị.

Kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào từng bước được cải thiện, đảm bảo an sinh xã hội; vùng đồng bào DTTS&MN không phát sinh các “điểm nóng”, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thế trận lòng dân trong thế trận quốc phòng, an ninh vững mạnh được củng cố và tăng cường.

Trong những năm gần đây, các địa phương vùng đồng bào DTTS&MN đều đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao². Cơ cấu kinh tế bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Dân hình thành vùng sản xuất nông lâm nghiệp hàng hóa; cà phê, chè, cao su, tiêu, cây dược liệu, cây lấy gỗ và sản phẩm ngoài gỗ... Kết cấu hạ tầng từng bước được hoàn thiện, thúc đẩy phát triển KT-XH từng vùng, từng khu vực³.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ; Công tác giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đặc sắc của cộng đồng các DTTS được quan tâm; góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc cơ bản được bảo đảm; đoàn kết giữa các dân tộc tiếp tục được củng cố...

4.2. Một số hạn chế, bất cập

Mặc dù KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN đã có bước phát triển mạnh trong những năm qua, nhưng vẫn là vùng khó khăn nhất của cả nước. Vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây Duyên hải miền Trung chuyên biến chậm, hạ tầng KT-XH thấp kém, kinh tế chủ yếu tự cung tự cấp, đời sống của người dân còn nhiều khó khăn, là “lõi nghèo của cả nước”; chất lượng nguồn nhân lực thấp, đội ngũ cán bộ còn nhiều bất cập, còn một số hạn chế về bình đẳng giới, tồn tại nhiều hủ tục lạc hậu và tệ nạn xã hội, tiềm ẩn yếu tố phức tạp về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội:

². Bình quân các tỉnh vùng Tây Bắc tăng 8,4 %, các tỉnh vùng Tây Nguyên tăng 8,1 %, các tỉnh vùng Tây Nam Bộ tăng 7,3%.

³. Đã có 98,4 % xã có đường ô tô đến trung tâm; trên 98% hộ DTTS được sử dụng điện lưới quốc gia, 100% xã vùng DTTS & MN có trường mầm non, trường TH, THCS; 99,3 % xã có trạm y tế, trong đó khoảng 70% xã có bác sỹ chăm sóc sức khỏe nhân dân; trên 90 % xã được phủ sóng phát thanh, truyền hình, kết nối thông tin liên lạc hiện đại; 100% xã đã có điện thoại cố định và di động cung cấp các dịch vụ viễn thông và Internet. Hộ nghèo ở các huyện 30a, các xã đặc biệt khó khăn giảm 3%-4% /năm, có nơi giảm trên 5%; các tỉnh có đồng bào DTTS sinh sống đã có trên 90% người dân được hỗ trợ mua bảo hiểm y tế.

- Khoảng cách phát triển giữa các DTTS với dân tộc Kinh, giữa các nhóm DTTS, giữa miền núi và miền xuôi chưa được rút ngắn. Thu nhập bình quân của hộ đồng bào DTTS ở nhiều nơi chỉ bằng 40-50% bình quân thu nhập trong khu vực⁴; tỷ lệ dân số DTTS chiếm 14,6% nhưng tỷ lệ hộ nghèo chiếm 55,27 % tổng số hộ nghèo của cả nước; có 9 tỉnh tỷ lệ hộ DTTS nghèo chiếm trên 90% hộ nghèo của cả tỉnh;

- Một số vấn đề bất cập trong đời sống của đồng bào DTTS như: Di cư tự phát, thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt⁵... chưa được giải quyết hiệu quả, đời sống của một bộ phận đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn;

- Chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa tuy đã được nâng lên nhưng so với mặt bằng chung vẫn còn thấp, mức độ tiếp cận các dịch vụ còn nhiều khó khăn; vẫn còn khoảng 21% người DTTS trên 15 tuổi chưa đọc thông, viết thạo tiếng Việt⁶;

- Tỷ lệ được cấp thẻ bảo hiểm y tế cao nhưng tỷ lệ khám, chữa bệnh còn thấp, phòng khám đa khoa khu vực của các tỉnh miền núi chưa được điều trị nội trú và thanh toán bảo hiểm y tế; tỷ lệ phụ nữ mang thai được khám định kỳ mới đạt 71%; tỷ lệ sinh con tại nhà là 36,3%; trẻ em suy dinh dưỡng là 32%⁷;

- Số người không biết nói tiếng dân tộc của mình ngày càng tăng; dân ca, dân vũ, nhạc cụ truyền thống của nhiều DTTS chỉ được phục dựng khi lễ hội, ít có cơ hội trình diễn trong đời sống hàng ngày;

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS trong cơ quan nhà nước các cấp có xu hướng giảm; đa số các Bộ, ngành và địa phương chưa đạt được tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS theo quy định tại Quyết định 402/QĐ-TTg ngày 14/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

- Vẫn còn các hủ tục lạc hậu, một số tệ nạn xã hội như nghiện hút, buôn bán và vận chuyển trái phép ma túy, buôn bán phụ nữ, trẻ em qua biên giới... là những yếu tố tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN.

4.3. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập

⁴. Theo Kết quả điều tra thực trạng KT-XH 53 DTTS, thu nhập b/q nhóm DTTS đạt 1.161 nghìn đồng/người/tháng, trung bình cả nước đạt 2.637 nghìn đồng/người/tháng, gấp hơn hai lần so với nhóm DTTS. Thu nhập bình quân đầu người cũng có sự phân hóa trong 53 DTTS, nhóm thu nhập thấp nhất trung bình dưới 632 nghìn đồng/người/tháng, gồm các dân tộc như Mảng, Khor Mú, Lô Lô, Chứt, La Hủ, O Đu, Mông, La Chí, Bru Vân Kiều, Cơ Lao và Xinh Mun...

⁵. Số hộ DTTS di cư tự phát cần sắp xếp, bố trí ổn định dân cư: 12.976 hộ; số hộ thiếu đất sản xuất, cần hỗ trợ: 54.193 hộ; số hộ thiếu đất ở, cần hỗ trợ: 58.123 hộ; số hộ thiếu nước sinh hoạt, cần hỗ trợ: 223.449 hộ

⁶. Tỷ lệ HS trong độ tuổi đi học THCS đạt 84%; học THPT đạt 41,8%; 03 DTTS chưa có người đi học đại học

⁷. Tỷ lệ trẻ em DTTS dưới 1 tuổi tử vong còn cao; tỷ lệ phụ nữ mang thai được thăm, khám trong thai kỳ mới đạt 71%; phụ nữ sinh con tại nhà là 36,3%; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em DTTS là 32%.

4.3.1. Nguyên nhân khách quan

Xuất phát điểm của vùng đồng bào DTTS&MN thấp, địa hình chia cắt, khí hậu khắc nghiệt, chất lượng nguồn nhân lực thấp; rất khó khăn trong việc thu hút đầu tư; cơ sở hạ tầng thấp kém, thiếu việc làm, đói nghèo, thiên tai, bệnh tật, đang là thách thức lớn.

Nhu cầu về cơ sở hạ tầng lớn trong khi nguồn lực thực hiện chính sách còn chưa đáp ứng nhu cầu thực tế, dẫn đến việc một số chính sách được ban hành nhưng không được phân bổ vốn để thực hiện.

Các thế lực thù địch liên tục lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để tuyên truyền, xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là những khó khăn về kinh tế của đất nước, an ninh chính trị vùng biên giới dẫn đến một số địa bàn vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn về an ninh, trật tự.

4.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền ở một số nơi chưa nhận thức đầy đủ về công tác dân tộc, chính sách dân tộc nên thiếu sâu sát trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Nghị quyết và các chính sách; chưa quan tâm đúng mức đến công tác tạo nguồn quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ người DTTS.

Hệ thống chính sách phát triển KT-XH cho vùng đồng bào DTTS&MN chưa thực sự đồng bộ; cơ chế thực thi chính sách còn thiếu những đổi mới mang tính đột phá. Mặt khác, sự phối hợp giữa các ngành, các cấp còn chưa chặt chẽ, hiệu quả, nhận thức của một số cán bộ, công chức, viên chức còn phiến diện, chưa thực sự quan tâm đến vùng DTTS&MN; sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương chưa thường xuyên, chặt chẽ.

Đồng bào các DTTS sinh sống ở địa bàn KT-XH khó khăn và đặc biệt khó khăn; ở những địa phương nghèo, chủ yếu nhận hỗ trợ ngân sách từ Trung ương, khó có thể lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện chính sách dân tộc. Trong khi đó ngân sách Trung ương chưa bố trí được nguồn vốn riêng để thực hiện một số chính sách, do vậy không đạt được mục tiêu các đề án, chính sách đã được phê duyệt.

Hệ thống cơ quan theo dõi công tác dân tộc thiếu ổn định, thông nhất từ Trung ương đến địa phương; thiếu một hệ thống cơ sở dữ liệu đầy đủ và mang tính liên tục, kịp thời để phục vụ mục tiêu theo dõi, quản lý và tham mưu chính sách. Chưa chú trọng đúng mức phát huy tiềm năng, lợi thế, văn hoá của từng vùng, từng dân tộc; chưa thúc đẩy việc kết nối giữa vùng đồng bào DTTS&MN với vùng phát triển; một số chính sách chưa tạo động lực cho đồng bào DTTS vươn lên, tự lập trong cuộc sống, tạo động lực cho người dân chủ động vươn lên thoát nghèo.

4.4. Quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc trong giai đoạn hiện nay

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác dân tộc, chính sách dân tộc với việc giữ vững ổn định và phát triển bền vững chế độ chính trị Việt Nam, Văn kiện Đại hội của Đảng cộng sản Việt Nam các khoá đều xác định đường lối cụ thể, thống nhất, lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc. Ban chấp hành TW Đảng khoá IX đã ban hành Nghị quyết chuyên đề số 24-NQ/TW ngày 12/03/2003 về công tác dân tộc (Dang Cong san Viet Nam, 2003), trong đó xác định rõ quan điểm: “Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam. Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ DTTS; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các DTTS trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất; Ưu tiên đầu tư phát triển KT-XH các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái; phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc...”

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (Dang Cong san Viet Nam, 2021) tiếp tục khẳng định: “Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân với các chính sách phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, đảm bảo trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế. Cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng dựa trên nguyên tắc đồng - hưởng, chia sẻ - bền vững. Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, đảm bảo mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản. Nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, triển khai có hiệu quả chương trình phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng, miền, dân tộc”. Trải qua các thời kỳ cách mạng, công tác dân tộc, chính sách đã đạt được những kết quả to lớn góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng chung của đất nước.

Ngày nay, công cuộc đổi mới đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng đã và đang thu được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Trong tiến trình đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương kiên định, nhất quán quan điểm trong công tác dân tộc và đã được khẳng định, bổ sung, phát triển trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII năm 2021 của Đảng (Dang Cong san Viet Nam, 2021): “Đảm bảo các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản về

kinh tế, văn hoá, xã hội ở vùng có đông đồng bào DTTS. Chú trọng tính đặc thù của từng vùng DTTS trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Có cơ chế thúc đẩy tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào DTTS trong phát triển KT-XH, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín tiêu biểu trong vùng đồng bào DTTS. Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc”.

Thực hiện mục tiêu phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; ngày 14/10/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030. Trong đó, giai đoạn I thực hiện từ năm 2021 đến năm 2025 với các nội dung chủ yếu (Thu tuong Chinh phu, 2021) sau:

- Phân đầu mức thu nhập bình quân của người DTTS tăng trên 2 lần so với năm 2020.

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS mỗi năm giảm trên 3%; phân đầu 50% số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn; 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hoá; 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 90% đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh; cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn (khu vực III) và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN.

- Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định 90% số hộ di cư không theo quy hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 60% số hộ DTTS đang cư trú tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào; Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%.

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục không chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS&MN; 98% đồng bào tham gia bảo hiểm y tế; trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%. 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu

cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và đặc thù vùng đồng bào DTTS&MN. Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng; Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, nhất là các DTTS tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương.

5. Thảo luận

Để thực hiện thắng lợi chủ trương đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, theo chúng tôi cần thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp theo tinh thần của Kết luận 65 của Bộ Chính trị (Dang Cong san Viet Nam, 2019) như sau:

(1) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng về công tác dân tộc, nhất là ở vùng đồng bào DTTS&MN trong tình hình mới. Xác định công tác dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách; là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của hệ thống chính trị.

(2) Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào DTTS. Các chính sách phát triển KT-XH, quốc phòng, an ninh vùng dân tộc miền núi phải toàn diện, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và phát huy lợi thế, tiềm năng của vùng và tinh thần tự lực của đồng bào DTTS. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền ở vùng đồng bào DTTS&MN; tăng cường đồng thuận xã hội; củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước, phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, hoà nhập phát triển cùng với đất nước.

(3) Huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN, trong đó nguồn lực Nhà nước giữ vai trò quan trọng, quyết định để huy động các nguồn lực khác, khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển bền vững vùng đồng bào DTTS&MN; bảo đảm quốc phòng - an ninh; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc. Tập trung giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức thiết. Rà soát, lồng ghép, sửa đổi, bổ sung chính sách; nâng cao hiệu quả các chương trình, dự án; tăng cường hợp tác quốc tế, đa dạng hoá và xã hội hoá nguồn lực để đầu tư phát triển vùng đồng bào DTTS&MN. Thúc đẩy đào tạo nghề, tạo việc làm, nâng cao hiệu quả và mở rộng vốn tín dụng ưu đãi với các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh.

(4) Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị. Hình thành và phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao; nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, tạo sản phẩm đặc sản, giá trị cao... Quan tâm phát triển du lịch, nhất là du lịch

sinh thái, gắn kết du lịch với giữ gìn, phát huy giá trị văn hoá các DTTS... Đến năm 2025, giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở cho đồng bào. Điều chỉnh cơ chế, chính sách, định mức khoán bảo vệ rừng, tạo sinh kế cho người dân sống gần rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, không gian sinh sống của đồng bào.

Ưu tiên nguồn lực của Nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH thiết yếu, nhất là đường giao thông, công trình thuỷ lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hoá phải được kiên cố hoá... Ban hành tiêu chí nông thôn mới phù hợp với vùng đồng bào DTTS&MN. Phần đầu đến năm 2030 không còn địa bàn khó khăn.

(5) Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển y tế, văn hoá, xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

Nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào DTTS&MN. Nâng cao chất lượng và mở rộng hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; hỗ trợ việc ăn, ở cho học sinh, sinh viên vùng địa bàn đặc biệt khó khăn...

Tăng cường công tác khám, chữa bệnh và thực hiện các dịch vụ y tế, nhất là khám, chữa bệnh ban đầu ở tuyến cơ sở; phát triển y học dân tộc kết hợp với y học hiện đại; đẩy mạnh phát triển y tế dự phòng; thực hiện các giải pháp đồng bộ...

Nâng cao mức hưởng thụ văn hoá đối với đồng bào DTTS... Phát huy vai trò làm chủ của đồng bào trong xây dựng đời sống văn hoá, xoá bỏ các hủ tục lạc hậu. Có biện pháp quyết liệt để xoá bỏ tình trạng tảo hôn, chám dứt sớm hôn nhân cận huyết thống...

(6) Xây dựng duy trì, đảm bảo thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận lòng dân vững chắc ở vùng đồng bào DTTS&MN; chủ động nắm chắc tình hình, giải quyết những mâu thuẫn ngay từ cơ sở, kiên quyết không để xảy ra các “điểm nóng”, “điểm phức tạp” về an ninh trật tự, đặc biệt ở các địa bàn chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây duyên hải miền Trung...

(7) Đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân, đội

ngũ cán bộ cơ sở ở vùng đồng bào DTTS&MN. Coi trọng phát triển đảng viên là người DTTS và khắc phục tình trạng không có tổ chức đảng và đảng viên ở các thôn, bản, nhất là đảng viên là người DTTS ở những vùng trọng điểm, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới...

Xây dựng đội ngũ cán bộ DTTS đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của vùng đồng bào DTTS&MN... Coi trọng phát hiện, quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thực hiện tốt chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ là người DTTS...

(8) Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Rà soát, phân tích đánh giá; tổ chức sửa đổi, bổ sung, lồng ghép, tích hợp các chính sách hiện hành để hoàn thiện hệ thống chính sách liên quan đến đồng bào DTTS, vùng đồng bào DTTS&MN. Đổi mới phương thức xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc, ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển bền vững KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 – 2030... Đổi mới mô hình tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc nhằm bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

6. Kết luận

Thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, của các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị, do vậy cần tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác dân tộc, chính sách dân tộc nhằm phát triển toàn diện KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN. Tăng cường tuyên truyền sâu rộng để người dân hiểu ý nghĩa quan trọng và đóng vai trò chủ thể trong các chính sách dân tộc. Đảng lãnh đạo nhất quán đối với công tác dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Quốc hội, Chính phủ kịp thời thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng thành hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị quyết, quyết định, để triển khai thực hiện đường lối của Đảng về công tác dân tộc, chính sách dân tộc trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Tài liệu tham khảo

- Dang Cong san Viet Nam. (2003). *Van kien Hoi nghi lan thu bay Ban Chap hanh Trung uong khoa IX*. Ha Noi: Nxb. Chinh tri quoc gia.
- Dang Cong san Viet Nam. (2016). *Van kien Dai hoi dai bieu toan quoc lan thu XII*. Ha Noi: Nxb. Chinh tri quoc gia.
- Dang Cong san Viet Nam. (2019). *Tiep tuc thuc hien Nghi quyet so 24-NQ/TW cua Ban Chap hanh Trung uong Dang khoa IX ve cong tac dan toc trong tinh hình moi*. Ket luan so 65-

KL/TW ngay 30/10/2019 cua Bo Chinh tri.

- Dang Cong san Viet Nam. (2021). *Van kien Dai hoi dai bieu toan quoc lan thu XIII*. Ha Noi: Nxb. Chinh tri quoc gia.
- Phu, G. S. (2014). *Bao cao tong hop ket qua nghien cuu de tai khoa hoc cap Nha nuoc nam 2014, thuoc de tai: “Nghien cuu ly luan, tong ket thuc tien quan ly nha nuoc ve cong tac dan toc thoi ky doi moi, de xuat quan diem, dinh huong, giai phap nang cao chat luong quan ly nha nuoc”*.

Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/11/2013*.

Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2019). *Phe duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 thông qua ngày 18/11/2019*. Nghị quyết số 88/2019/QH14.

Thủ tướng Chính phủ. (2013). *Phe duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020*. Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013.

Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Phe duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025*. Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021.

Ủy ban Dân tộc. (2016). *Ủy ban Dân tộc 70 năm xây dựng và phát triển (1946-2016)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật. Hà Nội.

Ủy ban Dân tộc. (2019a). *Báo cáo tổng kết, đánh giá chính sách dân tộc giai đoạn 2011-2020 và đề xuất, kiến nghị giai đoạn 2021-2030*. Hà Nội.

Ủy ban Dân tộc. (2019b). *Báo cáo tổng kết chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; định hướng xây dựng chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

Ủy ban Dân tộc. (2019c). *Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*. Hà Nội.

Ủy ban Dân tộc. (2019d). *Thực trạng chính sách dân tộc, định hướng xây dựng chính sách giai đoạn 2021-2030*. *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia*. Hà Nội.

NHIỆM VỤ ĐẶT RA CHO CÔNG TÁC DÂN TỘC, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Nguyễn Văn Dũng^a
Nguyễn Quang Hồng^b

^a Học viện Dân tộc
Email: dungnv@hvdt.edu.vn

^b Học viện Chính trị khu vực I
Email: hongkvc@gmail.com

Ngày nhận bài: 11/11/2021
Ngày phản biện: 21/11/2021
Ngày tác giả sửa: 24/11/2021
Ngày duyệt đăng: 25/11/2021
Ngày phát hành: 30/11/2021

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/623>

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm và coi trọng công tác dân tộc, chính sách dân tộc trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, trên nguyên tắc: Bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giúp nhau cùng phát triển giữa cộng đồng các dân tộc Việt Nam, trong đó ưu tiên phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa xã hội, chính trị, quốc phòng an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bài viết này trình bày những quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc trong giai đoạn hiện nay; phân tích những thành tựu đạt được trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc trong thời gian qua, từ đó đề xuất nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trong giai đoạn 2021-2025.

Từ khóa: Công tác dân tộc; Chính sách dân tộc; Giai đoạn 2021-2025; Vùng dân tộc thiểu số và miền núi.